

Nội dung

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh báo cáo tài chính	9



21 / C
B
A K
/ W
/ W

Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty TNHH Biệt thự và Khách sạn Biển Đông Phương (“Công ty”) tại ngày và cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015.

Kết quả hoạt động

Kết quả hoạt động của Công ty cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Kiểm toán

Các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 đã được Công ty TNHH Grant Thornton (Việt Nam) kiểm toán.

Hội đồng Thành viên và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Thành viên và Ban Giám đốc trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Thành viên

Ông Chong Jin Fatt	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 1 năm 2014
--------------------	----------	-----------------------------------

Ban Giám đốc

Ông Lê Minh Phúc	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 1 tháng 8 năm 2015
Ông Nguyễn Quốc Trị	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 8 năm 2015

Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc lập báo cáo tài chính

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các báo cáo tài chính cùng với các thuyết minh đính kèm đã được lập đúng đắn và trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Khi lập các báo cáo tài chính, Ban Giám đốc được yêu cầu:

- Áp dụng chính sách kế toán thích hợp với các ước tính và xét đoán thận trọng, hợp lý và được áp dụng thống nhất;
- Tuân thủ với các yêu cầu công bố thông tin theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Duy trì đầy đủ các ghi chép kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả;

CN I
ON
PI
HÀU

- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp giả định về việc Công ty tiếp tục hoạt động liên tục trong tương lai gần không còn phù hợp; và
- Kiểm soát và điều hành Công ty hiệu quả thông qua các quyết định trọng yếu có ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh, kết quả hoạt động và các đánh giá mà những quyết định và/hoặc hướng dẫn này đã được phản ánh trên các báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn tài sản của Công ty do vậy có những bước thích hợp để phòng ngừa và phát hiện gian lận và các điều bất thường.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty tuân thủ theo các quy định trên trong việc trình bày các báo cáo tài chính.

Báo cáo của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với các thuyết minh đính kèm đã được lập đúng đắn và trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Quốc Trí
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, Việt Nam

Ngày 10 tháng 9 năm 2015

CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
SỐ CHỨNG THỰC: 1683-01
QUYỀN SỐ:
NGÀY: 14-12-2016
P. TƯ PHÁP Q. HAI CHÂU TP. Đ. NANG

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Lê Phước Lai

VIỆT N
G
HAI
-TP. Đ

1/2015

Báo cáo kiểm toán độc lập

Cho báo cáo tài chính của
Công ty TNHH Biệt thự và Khách sạn Biển Đông Phương
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

Grant Thornton (Vietnam) Limited
18th Floor, Hoa Binh International Office Building
106 Hoang Quoc Viet Street
Cau Giay District, Hanoi
Vietnam

Số 15-11-012

T +84 (4) 3850 1686
F +84 (4) 3850 1688
www.gt.com.vn

**Kính gửi: Hội đồng Thành viên
Công ty Biệt thự và Khách sạn Biển Đông Phương**

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Biệt thự và Khách sạn Biển Đông Phương ("Công ty") được lập vào ngày 10 tháng 9 năm 2015, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, cùng với tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu và các thuyết minh giải trình khác, như được trình bày từ trang 5 đến trang 18.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với các báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu các báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm việc đánh giá các rủi ro có sai sót trọng yếu trên báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng, tính hợp lý của các ước tính kế toán thực hiện bởi Ban Giám đốc cũng như việc đánh giá việc trình bày tổng thể của các báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính đi kèm phản ánh trung thực và hợp lý, trên mọi khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty TNHH Biệt thự và Khách sạn Biển Đông Phương tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

21043
CÓN
TN
BIỆT
KHÁ
ĐÔNG
SỐ



CÔNG TY TNHH GRANT THORNTON (VIỆT NAM)

Nguyễn Tuấn Nam

Số giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 0808-2014-068-1
Phó Tổng Giám đốc

Trần Hoàng Trung

Số giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 3077-2015-068-1
Kiểm toán viên

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 10 tháng 9 năm 2015

Bảng cân đối kế toán

tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

	Thuyết Minh	Mã số	30 tháng 6 năm 2015 VNĐ	30 tháng 6 năm 2014 VNĐ (Phân loại lại)
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn		100	52.124.065.286	32.670.743.213
Tiền và các khoản tương đương tiền	5	110	19.302.716.627	46.531.327
Tiền		111	18.088.863.665	46.531.327
Các khoản tương đương tiền		112	1.213.852.962	-
Phải thu khác		130	174.224.242	-
Trả trước cho người bán		132	172.100.000	-
Phải thu khác		135	2.124.242	-
Hàng tồn kho		140	32.301.398.000	32.301.398.000
Hàng tồn kho	6	141	32.301.398.000	32.301.398.000
Tài sản ngắn hạn khác		150	345.726.417	322.813.886
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		152	340.877.417	322.813.886
Tài sản ngắn hạn khác		158	4.849.000	-
Tài sản dài hạn		200	64.427.998.823	62.909.757.285
Tài sản cố định		220	9.556.489.737	6.716.000.000
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	7	230	9.556.489.737	6.716.000.000
Tài sản dài hạn khác		260	54.871.509.086	56.193.757.285
Chi phí trả trước dài hạn	8	261	54.871.509.086	56.193.757.285
Tổng tài sản		270	116.552.064.109	95.580.500.498

13/6/15
Y
SA
PH
P.B

K
LUNG H
D.H

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

	Thuyết minh	Mã số	30 tháng 6 năm 2015 VNĐ	30 tháng 6 năm 2014 VNĐ (Phân loại lại)
NGUỒN VỐN				
Nợ phải trả		300	23.570.423.517	821.199.318
Nợ ngắn hạn		310	2.929.946.819	187.372.344
Phải trả người bán		312	2.755.837.538	127.800.000
Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước		314	145.044.081	34.722.344
Chi phí phải trả		316	29.065.200	21.120.000
Phải trả khác		319	-	3.730.000
<hr/>				
Nợ dài hạn		330	20.640.476.698	636.746.698
Phải trả dài hạn khác	9	333	20.640.476.698	636.746.698
<hr/>				
Nguồn vốn chủ sở hữu		400	92.981.640.592	94.756.381.456
Vốn chủ sở hữu		410	92.981.640.592	94.756.381.456
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	10,11	411	104.008.037.480	104.008.037.480
Lỗ lũy kế	10	420	(11.026.396.888)	(9.251.656.024)
Tổng nguồn vốn		440	116.552.064.109	95.580.500.498

Đà Nẵng, Việt Nam
Ngày 10 tháng 9 năm 2015



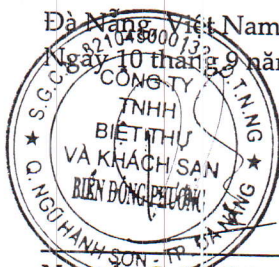
Nguyễn Quốc Trị
Tổng Giám đốc

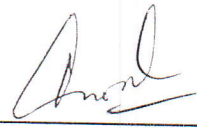
Hồ Huỳnh Thùy Dương
Kế toán trưởng

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

Thuyết minh	Mã số	Năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 VNĐ	Năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 VNĐ
Tổng doanh thu	01	-	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	-
Doanh thu thuần	10	-	-
Giá vốn hàng bán	11	-	-
Lãi gộp	20	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính	21	60.508.170	1.331.840
Chi phí hoạt động tài chính	22	(1.545.000)	(90)
Chi phí bán hàng	24	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	12 25	(1.833.704.030)	(2.954.697.095)
Lỗ từ hoạt động kinh doanh	30	(1.774.740.860)	(2.953.365.345)
Thu nhập khác	31	-	-
Chi phí khác	32	(4)	-
Lợi nhuận khác	40	(4)	-
Lỗ kế toán trước thuế	50	(1.774.740.864)	(2.953.365.345)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	13 51	-	-
Lỗ sau thuế	60	(1.774.740.864)	(2.953.365.345)

Đà Nẵng, Việt Nam
 Ngày 10 tháng 9 năm 2015

 Nguyễn Quốc Trị
 Tổng Giám đốc


 Hồ Huỳnh Thùy Dương
 Kế toán trưởng

S.G.C.C.
 Q. D. NGŨ H.

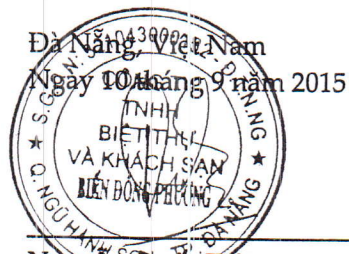
XH
 HC
 JJ
 HAI

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

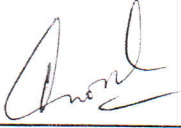
(phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

	Thuyết minh	Mã số	Năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 VNĐ	Năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 VNĐ	
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh					
Lỗ trước thuế		01	(1.774.740.864)	(2.953.365.345)	
<i>Điều chỉnh:</i>					
Lãi tiền gửi		06	(51.253.076)	(1.331.840)	
Lỗ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động					
Thay đổi các khoản phải thu		08	(1.825.993.940)	(2.954.697.185)	
Thay đổi hàng tồn kho		09	(195.012.531)	82.694.007	
Thay đổi các khoản phải trả		10	-	(9.295.398.000)	
Thay đổi các khoản trả trước		11	22.746.304.475	168.472.344	
Thay đổi các khoản trả trước		12	1.322.248.199	(3.658.430.151)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh					
		20	22.047.546.203	(15.657.358.985)	
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư					
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ		21	(2.840.489.737)	-	
Lãi tiền gửi đã thu		27	49.128.834	1.331.840	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư					
		30	(2.791.360.903)	1.331.840	
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu		31	-	15.631.444.800	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính					
		40	-	15.631.444.800	
Lưu chuyển tiền thuần trong năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		5	19.256.185.300	(24.582.345)	
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm		5	46.531.327	71.113.672	
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm		5	70	19.302.716.627	46.531.327



Đà Nẵng, Việt Nam
 Ngày 10 tháng 9 năm 2015
 Nguyễn Quốc Trị
 Tổng Giám đốc


 Hồ Huỳnh Thùy Dương
 Kế toán trưởng

32
 B
 K
 5/1
 H
 H

Thuyết minh các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

1 Đặc điểm hoạt động của Công ty

Công ty TNHH Biệt thự và Khách sạn Biển Đông Phương (“Công ty”) được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo Giấy chứng nhận Đầu tư số 321043000132 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 26 tháng 1 năm 2011 trong thời gian 50 năm kể từ ngày 18 tháng 12 năm 2006. Công ty thay đổi người đại diện theo pháp luật theo Giấy chứng nhận Đầu tư sửa đổi lần thứ nhất số 321043000132 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 20 tháng 2 năm 2014. Nhà đầu tư của Công ty là Công ty TNHH Vietnam Property được thành lập ở British Virgin Islands theo Giấy chứng nhận Đầu tư số 1015216 cấp ngày 10 tháng 3 năm 2006.

Địa chỉ đăng ký hoạt động của Công ty tại đường Trường Sa, phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

Dự án đầu tư của Công ty có tên là “Biệt thự và Khách sạn Biển Đông Phương” được xây dựng tại đường Trường Sa, phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng. Diện tích sử dụng ước tính cho dự án là 11,51 hecta.

Vốn điều lệ đăng ký của Công ty là 244.333.972.000 đồng (tương đương 15.270.873 đô la Mỹ) và tổng vốn đầu tư của dự án là 888.958.972.000 đồng (tương đương 55.559.936 đô la Mỹ).

Theo Giấy chứng nhận Đầu tư, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- ▶ Kinh doanh bất động sản và các dịch vụ có liên quan (bao gồm đầu tư xây dựng biệt thự để bán và cho thuê);
- ▶ Quản lý và cho thuê lại các biệt thự đã bán/đã cho thuê theo đề nghị của chủ sở hữu theo hình thức kinh doanh khu nghỉ dưỡng;
- ▶ Kinh doanh nhà hàng, dịch vụ ăn uống;
- ▶ Kinh doanh dịch vụ du lịch, dịch vụ vui chơi giải trí và các dịch vụ có liên quan khác (bao gồm dịch vụ thể thao trong khu nghỉ dưỡng, trên biển và bãi biển; dịch vụ vận chuyển khách du lịch; cơ sở mua sắm; chăm sóc sức khỏe); và
- ▶ Kinh doanh dịch vụ khách sạn và dịch vụ tổ chức các sự kiện.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có 2 nhân viên (30 tháng 6 năm 2014: 2 nhân viên).

2 Niên độ kế toán và đơn vị tiền tệ

2.1 Niên độ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 7 và kết thúc ngày 30 tháng 6.

3210430001
CÔNG TY
TNHH
BIỆT THỰ
KHÁCH SẠN
BIỂN ĐÔNG PHƯƠNG
N. TP.

VIỆ
G
ÁI
Đ

2.2 Đơn vị tiền tệ

Báo cáo tài chính của Công ty được lập sử dụng đồng tiền Việt Nam ("VNĐ").

3 Cơ sở lập các báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ phù hợp với các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở những quốc gia hoặc thể chế ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng báo cáo tài chính của Công ty không nhằm dành cho những đối tượng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ Việt Nam.

Thay đổi Chế độ kế toán

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính Việt Nam ban hành Thông tư 200/TT-BTC ("Thông tư") hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp để thay thế cho chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 ban hành bởi Bộ Tài chính Việt Nam. Thông tư có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015. Do đó, Công ty sẽ áp dụng Thông tư cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

4 Chính sách kế toán áp dụng

4.1 Tỷ giá hối đoái

Các nghiệp vụ phát sinh bằng tiền tệ khác với đồng tiền báo cáo được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tài sản tiền tệ và công nợ phát sinh bằng đồng tiền khác với đồng tiền báo cáo được quy đổi theo tỷ giá tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Lãi và lỗ chênh lệch tỷ giá và chi phí liên quan đến các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh.

4.2 Ước tính kế toán

Việc lập các báo cáo tài chính phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan của Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc đưa ra các ước tính và giả định mà có ảnh hưởng tới tài sản công nợ trên báo cáo và việc trình bày các khoản tài sản và công nợ tiềm tàng tại ngày báo cáo cũng như doanh thu chi phí phát sinh trong giai đoạn báo cáo. Kết quả thực tế có thể khác so với số liệu ước tính.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng cũng như các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao và các khoản tiền gửi ngân hàng với thời gian đáo hạn ban đầu không quá 3 tháng.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho bao gồm chi phí trực tiếp liên quan tới việc xây dựng khu biệt thự để bán, bao gồm cả khu đất sử dụng để xây dựng khu biệt thự. Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán dự kiến trừ chi phí bán hàng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá vốn lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện.



4.5 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí phát sinh cho dự án xây dựng khách sạn. Khấu hao không được trích trong giai đoạn này mà chỉ được trích khi việc xây dựng và lắp đặt đã hoàn thành và tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng dự định mà khi đó các chi phí liên quan mới được chuyển thành tài sản cố định hữu hình.

4.6 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí tiền thuê đất trả trước và các chi phí khác phát sinh để có được quyền sử dụng đất thuê cho phần diện tích sử dụng để xây dựng khách sạn. Khoản chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh trong thời gian 45 năm.

Chi phí thẻ hội viên sân golf trả trước-không cư trú là chi phí mua thẻ hội viên không ghi danh của Công ty TNHH Sân golf VinaCapital Đà Nẵng để phục vụ cho mục đích kinh doanh. Khoản chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh trong thời gian 42 năm, là khoảng thời gian tính từ ngày mua đến hết thời hạn của quyền sử dụng đất của Công ty TNHH Sân golf VinaCapital Đà Nẵng vào ngày 18 tháng 12 năm 2056.

4.7 Phải trả và chi phí trích trước

Khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận trên cơ sở số phải thanh toán trong tương lai liên quan đến các tài sản và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hay chưa nhận được hóa đơn.

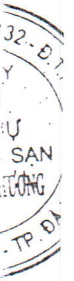
4.8 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Nghĩa vụ về thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành bao gồm các nghĩa vụ thuế đối với cơ quan thuế liên quan đến giai đoạn báo cáo hiện tại và các giai đoạn trước mà vẫn chưa thanh toán tại ngày cuối giai đoạn báo cáo. Nghĩa vụ về thuế thu nhập hiện hành được tính trên cơ sở thuế suất và quy định về thuế áp dụng cho giai đoạn báo cáo dựa trên mức lợi nhuận chịu thuế trong năm. Toàn bộ thay đổi về nghĩa vụ hay tài sản thuế hiện tại được ghi nhận là chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên báo cáo kết quả kinh doanh.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp nghĩa vụ thuế trên các khoản chênh lệch tạm thời. Phương pháp này so sánh giá trị ghi sổ của tài sản và công nợ trên bảng cân đối kế toán với các cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản tài sản và công nợ đó.

Nợ thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả luôn được ghi nhận đầy đủ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Tài sản và nợ phải trả thuế thu nhập hoãn lại được tính toán dựa trên tỷ lệ thuế suất được áp dụng cho giai đoạn thực hiện, đảm bảo tuân theo những quy định hiện hành có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Hầu hết những thay đổi trong tài sản và nghĩa vụ thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận như một phần chi phí thuế trong báo cáo kết quả kinh doanh. Chỉ những thay đổi liên quan đến tài sản hoặc nghĩa vụ thuế thu nhập hoãn lại mà liên quan đến sự thay đổi trong giá trị của tài sản hoặc công nợ được hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn.



4.9 Các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm công ty mẹ và công ty mẹ cuối cùng của các công ty con và các công ty liên kết của các công ty này.

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể, đối với bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là liên quan nếu cùng chịu một sự kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể.

4.10 Công cụ tài chính

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài Chính ban hành Thông tư 210/2009/TT-BTC hướng dẫn việc áp dụng các Chuẩn mực Lập và trình bày Báo cáo tài chính ("IFRS") liên quan đến việc trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính ("Thông tư 210"). Thông tư 210 có hiệu lực và ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011.

Do Thông tư 210 chỉ yêu cầu việc trình bày và thuyết minh công cụ tài chính theo IFRS, cho nên việc ghi nhận và đo lường các công cụ tài chính trên các báo cáo tài chính của Công ty vẫn thực hiện theo các quy định của các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

Phân loại

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, Công ty phân loại các tài sản tài chính và công nợ tài chính theo các nhóm sau:

Đối với các tài sản tài chính, phân loại thành:

- Tài sản tài chính ghi lãi lỗ theo giá trị hợp lý;
- Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- Tài sản tài chính được giữ đến ngày đáo hạn; và
- Tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Đối với nợ tài chính, phân loại thành:

- Nợ tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý; và
- Nợ tài chính khác ghi nhận theo giá trị phân bổ

4.11 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ sự kiện đã xảy ra và gần như chắc chắn Công ty sẽ phải thanh toán nghĩa vụ đó. Các khoản dự phòng được xác định dựa trên những ước tính đáng tin cậy của Ban Giám đốc về giá trị của nghĩa vụ nợ đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì giá trị của khoản dự phòng cũng cần được xác định là giá trị hiện tại của khoản chi phí dự tính để thanh toán nghĩa vụ đó.

4.12 Các sự kiện tiềm tàng

Các khoản nợ tiềm tàng không được ghi nhận vào báo cáo tài chính. Chúng được công bố trừ khi không xác định được khả năng phát sinh một khoản chi dẫn đến suy giảm lợi ích kinh tế.

Tài sản tiềm tàng không được ghi nhận trên báo cáo tài chính nhưng được công bố khi nó có thể mang lại lợi ích kinh tế.

PHÒNG
TÀI CHÍNH
VAI C

4.13 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán mà cung cấp thêm thông tin về tình hình của Công ty tại ngày khóa sổ kế toán (“các sự kiện điều chỉnh”) được ghi nhận trên báo cáo tài chính. Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán không phải là các sự kiện điều chỉnh được công bố trên thuyết minh nếu trọng yếu.

4.14 Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được công bố ở các thuyết minh thích hợp của các báo cáo tài chính này.

5 Tiền

	30 tháng 6 năm 2015	30 tháng 6 năm 2014
	VNĐ	VNĐ
Tiền mặt	6.009.347	-
Tiền gửi ngân hàng	18.082.854.318	46.531.327
	18.088.863.665	46.531.327
Các khoản tương đương tiền	1.213.852.962	-
	19.302.716.627	46.531.327

6 Hàng tồn kho

	30 tháng 6 năm 2015	30 tháng 6 năm 2014
	VNĐ	VNĐ
Chi phí sản xuất dở dang:		
<i>Chi phí thuê đất cho việc xây dựng biệt thự (*)</i>	23.006.000.000	23.006.000.000
<i>Chi phí mua thẻ hội viên sân golf - cư trú (**)</i>	9.295.398.000	9.295.398.000
	32.301.398.000	32.301.398.000

(*) Chi phí thuê đất sử dụng cho việc xây dựng biệt thự bao gồm tiền thuê đất và các chi phí khác phát sinh để có được quyền sử dụng đất thuê cho phần diện tích sử dụng để xây dựng khu biệt thự 3,13 ha tại phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng. Khoản chi phí này sẽ được phân bổ vào giá vốn của khu biệt thự khi biệt thự được bán.

(**) Chi phí mua thẻ hội viên sân golf – cư trú là chi phí mua thẻ hội viên của Công ty TNHH Sân golf Vina Capital Đà Nẵng để tặng cho khách hàng mua biệt thự. Khoản chi phí này sẽ được phân bổ vào giá vốn của khu biệt thự khi biệt thự được bán.

7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
	VNĐ	VNĐ
Số dư, 1 tháng 7	6.716.000.000	6.716.000.000
Tăng trong năm	2.840.489.737	-
Số dư, 30 tháng 6	9.556.489.737	6.716.000.000
Trong đó:		
Dự án 1: Dự án khách sạn	9.556.489.737	6.716.000.000
Dự án 2: Dự án Villa	-	-

8 Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí thuê đất sử dụng cho việc xây dựng khách sạn trên diện tích 8,38 ha (*)	Thẻ hội viên sân golf – không cư trú (**)	Tổng cộng
	VND	VND	VND
1 tháng 7 năm 2014	51.327.600.433	4.866.156.852	56.193.757.285
Phát sinh tăng trong kỳ	-	-	-
Phân bổ vào chi phí	(1.207.746.699)	(114.501.500)	(1.322.248.199)
30 tháng 6 năm 2015	50.119.853.734	4.751.655.352	54.871.509.086

(*) Chi phí đất sử dụng cho việc xây dựng khách sạn bao gồm tiền thuê đất và các chi phí khác phát sinh để có được quyền sử dụng đất đi thuê cho lô đất 8,38 ha tại phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng. Các khoản tiền trả trước cho thuê đất được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh trong thời gian của quyền sử dụng đất từ 9 tháng 6 năm 2011 đến ngày 18 tháng 12 năm 2056.

(**) Thẻ hội viên sân golf – không cư trú là chi phí mua thẻ hội viên của Công ty TNHH Sân golf VinaCapital Đà Nẵng để sử dụng cho mục đích kinh doanh sau này. Khoản chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh trong thời gian từ ngày mua đến hết thời hạn của quyền sử dụng đất của Công ty TNHH Sân golf VinaCapital Đà Nẵng vào ngày 18 tháng 12 năm 2056.

9 Phải trả dài hạn khác

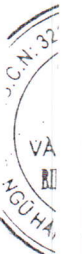
	30 tháng 6 năm 2015	30 tháng 6 năm 2014
	VND	VND
Hợp đồng hợp tác kinh doanh (*)	20.000.000.000	-
Phải trả Công ty TNHH Khu du lịch biển VinaCapital Da Nang	640.476.698	636.746.698
	20.640.476.698	636.746.698

(*) Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 31 tháng 5 năm 2014, Công ty ký với Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển Tân Tiến ("Công ty Tân Tiến"), hai bên thống nhất hợp tác đầu tư để tiến hành xây dựng và kinh doanh Dự án khách sạn và biệt thự cao cấp cùng các dịch vụ và tiện ích có liên quan trên khu đất 11,51 ha nằm trên đường Trường Sa, phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng. Tổng vốn đầu tư dự kiến của Dự án là 888.958.972.000 đồng, trong đó, hình thức góp vốn hợp tác được thực hiện như sau:

- Công ty góp vốn bằng quyền sử dụng khu đất và chi phí đầu tư của Dự án với số tiền 167 tỷ đồng bao gồm chi phí đầu tư ban đầu, cộng chi phí vốn hàng năm tương đương 12%/năm và giá trị sử dụng thương hiệu Sheraton trong vòng 20 năm theo Biên bản ghi nhớ ký ngày 17 tháng 3 năm 2014 với tập đoàn quản lý khách sạn quốc tế Starwood. Lợi nhuận sau thuế được phân chia cho Công ty là 40%.
- Công ty Tân Tiến góp 251 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế được phân chia tương ứng là 60%. Tiến độ góp vốn sẽ được hai bên thỏa thuận.

Thời gian thực hiện dự án là 50 năm tính từ ngày 18 tháng 12 năm 2006, các bên thống nhất đề nghị Cơ quan có thẩm quyền kéo dài thời gian thực hiện dự án là 70 năm kể từ ngày đưa vào hoạt động.

Thời gian xây dựng dự án dự kiến hoàn tất vào năm 2017.



10 Nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn góp VNĐ	Lỗ lũy kế VNĐ	Tổng VNĐ
1 tháng 7 năm 2013	88.376.592.680	(6.298.290.679)	82.078.302.001
Vốn góp của chủ sở hữu	15.631.444.800	-	15.631.444.800
Lỗ trong năm	-	(2.953.365.345)	(2.953.365.345)
30 tháng 6 năm 2014	104.008.037.480	(9.251.656.024)	94.756.381.456
1 tháng 7 năm 2014	104.008.037.480	(9.251.656.024)	94.756.381.456
Lỗ trong năm	-	(1.774.740.864)	(1.774.740.864)
30 tháng 6 năm 2015	104.008.037.480	(11.026.396.888)	92.981.640.592

11 Vốn góp

	Đô la Mỹ	Vốn điều lệ đăng ký		Vốn điều lệ đã góp		Vốn điều lệ còn phải góp	
		VNĐ	%	VNĐ	%	VNĐ	%
Vietnam Property Ltd	15.270.873	244.333.972.000	100	104.008.037.480	43	140.325.934.520	57

Theo Giấy chứng nhận đầu tư, nhà đầu tư có nghĩa vụ phải góp vốn điều lệ trong 3 giai đoạn. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, chi tiết góp vốn của nhà đầu tư vào Công ty như sau:

	Thời gian đăng ký góp vốn Năm	Vốn điều lệ đăng ký trên Giấy chứng nhận Đầu tư		Vốn điều lệ đã góp VNĐ	Vốn điều lệ còn phải góp VNĐ
		VNĐ	%		
Giai đoạn 1	2011	29.722.000.000		29.722.000.000	-
Giai đoạn 2	2011	32.900.000.000		32.900.000.000	-
Giai đoạn 3	Từ 2012 đến 2013	181.711.972.000		41.386.037.480	140.325.934.520
		244.333.972.000		104.008.037.480	140.325.934.520

12 Chi phí hoạt động theo yếu tố

	Năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 VNĐ	Năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 VNĐ
Chi phí trả trước phân bổ	1.322.248.199	1.254.468.409
Thuế GTGT không được khấu trừ của chi phí thẻ hội viên sân golf	-	1.420.829.660
Chi phí phạt vi phạm hành chính	-	430.500
Chi phí khác	511.455.831	278.968.526
	1.833.704.030	2.954.697.095

13 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Luật Thuế TNDN sửa đổi mới nhất số 32/2013/QH13 ban hành ngày 19 tháng 6 năm 2013, mức thuế suất thông thường giảm từ 25% xuống 22% cho 2 năm 2014 và 2015, và 20% cho các năm tiếp theo. Chính vì vậy Công ty áp dụng thuế suất TNDN mới 22%.

Công ty không trích lập nghĩa vụ thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 do kết quả kinh doanh lỗ. Bảng đối chiếu giữa lỗ kế toán và lỗ thuế cho giai đoạn báo cáo như sau:

	Năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 VNĐ	Năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 VNĐ
Lỗ kế toán trước thuế	(1.774.740.864)	(2.953.365.345)
<i>Chênh lệch vữa viên</i>		
Chi phí không được khấu trừ		
Phạt vi phạm hành chính	-	430.500
Chi phí thuế VAT thẻ hội viên sân golf	-	1.420.829.660
Chi phí phân bổ thẻ hội viên sân golf	114.501.500	46.741.708
Lỗ chịu thuế	(1.660.239.364)	(1.485.363.477)

Công ty không ghi nhận chi phí thuế TNDN cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 do kết quả kinh doanh lỗ. Lỗ được khấu trừ thuế có thể được mang sang kỳ sau để bù trừ vào thu nhập chịu thuế của những năm tiếp theo tối đa là 5 năm kể từ thời điểm phát sinh khoản lỗ đó. Lỗ lũy kế thực tế có thể chuyển sang năm sau phụ thuộc vào kết quả quyết toán thuế của cơ quan thuế địa phương.

Lỗ chịu thuế dùng để tính bù trừ vào thu nhập chịu thuế cho các năm sau được tính như sau:

Năm phát sinh	Tình trạng quyết toán thuế	Lỗ VNĐ	Lỗ đã sử dụng VNĐ	Lỗ đã quá hạn VNĐ	Lỗ mang sang VNĐ	Năm quá hạn
30/6/2012	Đã quyết toán nhưng chưa kiểm tra	389.286.855	-	-	389.286.855	2017
30/6/2013	Đã quyết toán nhưng chưa kiểm tra	2.754.024.740	-	-	2.754.024.740	2018
30/6/2014	Đã quyết toán nhưng chưa kiểm tra	1.485.363.477	-	-	1.485.363.477	2019
30/6/2015	Chưa quyết toán	1.660.239.364	-	-	1.660.239.364	2020
Lỗ mang sang		6.288.914.436	-	-	6.288.914.436	

Không có khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại nào được ghi nhận trong báo cáo tài chính đính kèm cho các khoản lỗ chịu thuế nói trên và các khoản chênh lệch tạm thời đáng kể vì không có khả năng Công ty sẽ có đủ thu nhập chịu thuế để sử dụng khoản lỗ được khấu trừ thuế nêu trên.

14 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Trong năm, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Giao dịch	Năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 VNĐ	Năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 VNĐ
Vietnam Property Ltd	Công ty mẹ	Góp vốn	-	15.631.444.800

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty không có số dư với các bên liên quan.

15 Thu nhập của Ban Giám đốc

Trong năm, thành viên Ban Giám đốc và các nhân viên chủ chốt không nhận lương và các lợi ích khác từ Công ty.

16 Chính sách quản trị rủi ro

Do Công ty chưa thực hiện kinh doanh trong giai đoạn báo cáo nên không chịu nhiều rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính. Ban Giám đốc Công ty xác định rủi ro chính liên quan đến rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

16.1 Rủi ro thị trường

Hầu hết các giao dịch của Công ty được thực hiện bằng đồng Việt Nam. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty không có tài sản và nợ phải trả tài chính phát sinh bằng ngoại tệ, do đó ít chịu rủi ro về biến động ngoại tệ. Thêm nữa, Công ty không có rủi ro lãi suất liên quan đến nợ tài chính vì Công ty không có các khoản vay ngắn hạn, dài hạn.

16.2 Rủi ro tín dụng

Công ty chịu các rủi ro tín dụng liên quan đến các tài sản tài chính trên bảng cân đối kế toán với chi tiết như sau:

	30 tháng 6 năm 2015	30 tháng 6 năm 2014
	VNĐ	VNĐ
Các nhóm tài sản tài chính – Giá trị ghi sổ		
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.302.716.627	46.531.327
Phải thu thương mại và phải thu khác	519.950.659	322.813.886
	19.822.667.286	369.345.213

16.3 Rủi ro thanh khoản

Công ty chưa thiết lập chính sách quản trị rủi ro liên quan đến rủi ro thanh khoản vì Ban Giám đốc Công ty xác định mức độ rủi ro là thấp. Tại ngày 30 tháng 6, Công ty có nghĩa vụ thanh toán với thời gian đáo hạn như sau:

30 tháng 6 năm 2015	Ngắn hạn			Dài hạn
	Trong 6 tháng	6 đến 12 tháng	1 đến 5 năm	Trên 5 năm
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Phải trả thương mại	2.755.837.538	-	-	-
Nợ tài chính phải trả khác	174.109.281	-	20.640.476.698	-
	2.929.946.819	-	20.640.476.698	-

30 tháng 6 năm 2014	Ngắn hạn			Dài hạn
	Trong 6 tháng	6 đến 12 tháng	1 đến 5 năm	Trên 5 năm
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Phải trả thương mại	127.800.000	-	-	-
Nợ tài chính phải trả khác	59.572.344	-	636.746.698	-
	187.372.344	-	636.746.698	-

17 Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Thông tin về tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính và giá trị sổ sách được trình bày dưới đây:

	30 tháng 6 năm 2015	30 tháng 6 năm 2014
	Giá trị ghi sổ	Giá trị ghi sổ
	VNĐ	VNĐ
Tài sản tài chính		
Các khoản cho vay và phải thu:		
Tiền và tương đương tiền	19.302.716.627	46.531.327
Phải thu thương mại và phải thu khác	519.950.659	322.813.886
	19.822.667.286	369.345.213

	30 tháng 6 năm 2015 Giá trị ghi sổ VNĐ	30 tháng 6 năm 2014 Giá trị ghi sổ VNĐ
Nợ tài chính		
Nợ phải trả tài chính khác		
Phải trả thương mại	2.755.837.538	127.800.000
Phải trả khác	20.814.585.979	696.319.042
	23.570.423.517	824.119.042

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán bởi vì không có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ban hành bởi Bộ Tài chính vào ngày 6 tháng 11 năm 2009 cũng như các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam.

18 Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh đã được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày của năm/kỳ này như sau:

Trích lược từ Bảng cân đối kế toán

	30 tháng 6 năm 2014 (Phân loại lại) VNĐ	30 tháng 6 năm 2014 (Số liệu báo cáo trước) VNĐ
Phải trả bên liên quan	-	3.730.000
Phải trả khác	3.730.000	-
Phải trả dài hạn các bên liên quan	-	636.746.698
Phải trả dài hạn khác	636.746.698	-

19 Sự kiện sau ngày lập báo cáo tài chính

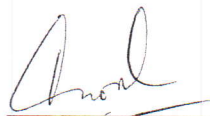
Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày báo cáo có ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Công ty được trình bày trong Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 hoặc kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày.

20 phê duyệt báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính được Ban Giám đốc duyệt phát hành.

Đà Nẵng, Việt Nam
Ngày 10 tháng 9 năm 2015


 Nguyễn Quốc Trí
 Tổng Giám đốc


 Hồ Huỳnh Thủy Dương
 Kế toán trưởng



0 6

1 1

2 1

))

UNIVERSITY